

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2022

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Luốc;
2. Ông Huỳnh Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ C - Sinh năm 1981 - Địa chỉ: Ấp V, xã MTT, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1978 - Địa chỉ: Ấp V, xã MTT, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2022, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ C trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyễn Văn T cưới nhau năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTT ngày 07-6-2007. Chung sống đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà và ông T đã ly thân từ năm 2020 đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với với ông Nguyễn Văn T;

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Lê Chí K, sinh ngày 01-01-2007 và Nguyễn Lê Bảo T1, sinh ngày 14-10-2011, hiện sống chung với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 19-8-2022, các văn bản tiếp theo, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày thống nhất trình bày của bà Lê Thị Mỹ C về ngày tháng điều kiện kết hôn, nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn, ly thân, con chung và việc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Mỹ C.

Về con chung: Con chung nguyện vọng muốn sống với ai người đó nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Vụ án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được do bị đơn là ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt.

- Ngày 19-8-2022, ông Nguyễn Văn T nộp đơn xin xét xử vắng mặt; Ngày 22-8-2022, bà Lê Thị Mỹ C nộp đơn xin xét xử vắng mặt; Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị Mỹ C khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” đối với ông Nguyễn Văn T; Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà C, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[4] Xét về hôn nhân:

[4.1] Bà C và ông T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 07-6-2007 tại Ủy ban nhân dân xã MTT, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà C và ông T: Bà C cho rằng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đã ly thân từ năm 2020. Xét từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay, bà C và ông T không khắc phục được mâu thuẫn gia đình, bà C và ông T vẫn sống ly thân, mỗi người vẫn tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà C và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà C yêu cầu ly hôn là có căn cứ và việc ông T tự khai đồng ý ly hôn là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[5] Xét về nuôi con chung:

[5.1] Xét yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung của bà C: Xét 02 con chung tên Nguyễn Lê Chí K, sinh ngày 01-01-2007 và Nguyễn Lê Bảo T1, sinh ngày 14-10-2011, hiện sống chung với bà C từ trước đến nay, nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với bà C, ông T thống nhất nguyện vọng con chung muốn sống với ai người đó nuôi, nên yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung của bà C là có căn cứ, việc thống nhất của ông T là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[5.2] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[5.3] Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà C và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về chia tài sản chung: Bà C và ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia nợ chung: Bà C và ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà Lê Thị Mỹ C và ông Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự: Bà Lê Thị Mỹ C được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Lê Chí K, sinh ngày 01-01-2007 và Nguyễn Lê Bảo T1, sinh ngày 14-10-2011, hiện sống chung với bà C. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà C và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo Biên lai thu số 0005162 ngày 10-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà C đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MTT (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng Vương